

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 407/MYH24/VHU/QĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

Bảng 1: Danh mục các học phần chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
PHẦN KIẾN THỨC CHUNG				4	3	1
1	POL	601	Triết học (Philosophy)			
PHẦN KIẾN THỨC BẮT BUỘC				21	13	8
1	ORI	701	Phương pháp nghiên cứu Khu vực học (Methods for Area studies)	3	2	1
2	ORI	702	Lịch sử phát triển các hình thái kinh tế - xã hội ở phương Đông (The history of socio-economic formations in Orient)	3	2	1
3	ORI	703	Văn hóa Trung Hoa và ảnh hưởng của nó trong khu vực Đông Á (China's traditional cultural influence on East Asia)	3	2	1
4	ORI	704	Tiếp xúc văn hóa Đông – Tây (Eastern and Western cultural exchange)	3	2	1
5	ORI	705	Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á (International relations in Asia)	3	2	1
6	ORI	706	Các vấn đề xã hội ở châu Á (Social issues in Asia)	3	2	1
7	ORI	707	Seminar chuyên đề thực tiễn (Practical Seminars)	3	1	2
PHẦN KIẾN THỨC TỰ CHỌN (chọn 07 học phần với 21 tín chỉ)				21	14	7
Các học phần thuộc lĩnh vực Lịch sử - Văn hóa						
1	ORI	721	Người Hoa ở Đông Nam Á (Ethnic Chinese in Southeast Asia)	3	2	1
2	ORI	722	Tôn giáo - tín ngưỡng phương Đông hiện nay (Oriental religion and beliefs)	3	2	1
3	ORI	723	Văn hóa Đông Nam Á dưới góc nhìn từ khảo cổ học (Southeast Asian culture from archaeological perspective)	3	2	1
4	ORI	724	Nhật Bản truyền thống (Traditional Japan)	3	2	1
5	ORI	725	Văn hóa đại chúng và công nghiệp văn hóa Hàn Quốc (Korean popular culture and its cultural industry)	3	2	1
6	ORI	726	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam (Zone culture and cultural zoning of Vietnam)	3	2	1

7	ORI	727	Di sản thế giới ở phương Đông và vấn đề phát triển du lịch bền vững (<i>World heritage and sustainable tourism development in Eastern</i>)	3	2	1
Các học phần thuộc lĩnh vực Chính trị - Quan hệ quốc tế						
8	ORI	728	Kinh tế - chính trị Đông Bắc Á thế kỷ 21 (<i>Northeast Asia economy and politics in the 21st century</i>)	3	2	1
9	ORI	729	Sự trỗi dậy của Trung Quốc đầu thế kỷ 21 (<i>The rise of China in the beginning of the 21st century</i>)	3	2	1
10	ORI	730	Nhật Bản cận đại (<i>Modern Japan</i>)	3	2	1
11	ORI	731	Chủ nghĩa đa văn hóa và xã hội Hàn Quốc (<i>Korean multiculturalism and society</i>)	3	2	1
12	ORI	732	Những vấn đề lịch sử - chính trị Đông Nam Á (<i>Historical and political issues of Southeast Asia</i>)	3	2	1
13	ORI	733	Lịch sử chủ quyền và lãnh thổ Việt Nam (<i>History of sovereignty and territory of Vietnam</i>)	3	2	1
14	ORI	734	Vị thế Việt Nam trong cục diện mới của khu vực và thế giới (<i>Vietnam's position in the new regional and world situation</i>)	3	2	1
Các học phần thuộc lĩnh vực Kinh tế - Xã hội						
15	ORI	735	Xã hội Đông Á – truyền thống và hiện đại (<i>East Asian society - tradition and modernity</i>)	3	2	1
16	ORI	736	Gia đình và vai trò của phụ nữ trong xã hội phương Đông truyền thống – hiện đại (<i>Family and the role of women in tradition and modernity Oriental society</i>)	3	2	1
17	ORI	737	Nhật Bản hiện đại (<i>Contemporary Japan</i>)	3	2	1
18	ORI	738	Con đường hiện đại hoá của Hàn Quốc (<i>The modernization of South Korea</i>)	3	2	1
19	ORI	739	Con đường hiện đại hoá của Trung Quốc (<i>The modernization of China</i>)	3	2	1
20	ORI	740	Văn hoá - xã hội Trung Quốc trong tương quan so sánh với khu vực (<i>Chinese culture and society in comparison with some other countries in the area</i>)	1	2	1
21	ORI	741	Kinh tế - xã hội các quốc gia Đông Nam Á (<i>Socio- economics of Southeast Asian countries</i>)	3	2	1
PHẦN KIẾN THỨC TỰ TÍCH LŨY				2	1	1
1	SKL	741	Kỹ năng viết, bảo vệ luận văn/đề án và viết bài báo khoa học (<i>Academic skills in thesis/project writing, defense and scientific publications</i>)	2	1	1
PHẦN THỰC TẾ, THỰC TẬP				5	0	5
1	ORI	761	Thực tập chuyên đề (<i>Internship</i>)	2	0	2
2	ORI	762	Thực tập tốt nghiệp (<i>Graduation internship</i>)	3	0	3
PHẦN TỐT NGHIỆP				9	0	9
1	ORI	771	Đề án tốt nghiệp (<i>Graduation project</i>)	9	0	9
Tổng cộng				62		

Bảng 2: Danh mục các học phần chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
PHẦN KIẾN THỨC CHUNG				4	3	1
1	POL	601	Triết học (Philosophy)	4	3	1
PHẦN KIẾN THỨC BẮT BUỘC				21	13	8
1	ORI	701	Phương pháp nghiên cứu Khu vực học (Methods for Area studies)	3	2	1
2	ORI	702	Lịch sử phát triển các hình thái kinh tế - xã hội ở phương Đông (The history of socio-economic formations in Orient)	3	2	1
3	ORI	703	Văn hóa Trung Hoa và ảnh hưởng của nó trong khu vực Đông Á (China's traditional cultural influence on East Asia)	3	2	1
4	ORI	704	Tiếp xúc văn hóa Đông – Tây (Eastern and Western cultural exchange)	3	2	1
5	ORI	705	Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á (International relations in Asia)	3	2	1
6	ORI	706	Các vấn đề xã hội ở châu Á (Social issues in Asia)	3	2	1
7	ORI	707	Seminar chuyên đề thực tiễn (Practical Seminars)	3	1	2
PHẦN KIẾN THỨC TỰ CHỌN (chọn 03 học phần với 9 tín chỉ)				9	6	3
Các học phần thuộc lĩnh vực Lịch sử - Văn hóa						
1	ORI	721	Người Hoa ở Đông Nam Á (Ethnic Chinese in Southeast Asia)	3	2	1
2	ORI	722	Tôn giáo - tín ngưỡng phương Đông hiện nay (Oriental religion and beliefs)	3	2	1
3	ORI	723	Văn hóa Đông Nam Á dưới góc nhìn từ khảo cổ học (Southeast Asian culture from archaeological perspective)	3	2	1
4	ORI	724	Nhật Bản truyền thống (Traditional Japan)	3	2	1
5	ORI	725	Văn hóa đại chúng và công nghiệp văn hóa Hàn Quốc (Korean popular culture and its cultural industry)	3	2	1
6	ORI	726	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam (Zone culture and cultural zoning of Vietnam)	3	2	1
7	ORI	727	Di sản thế giới ở phương Đông và vấn đề phát triển du lịch bền vững (World heritage and sustainable tourism development in Eastern)	3	2	1
Các học phần thuộc lĩnh vực Chính trị - Quan hệ quốc tế						
8	ORI	728	Kinh tế - chính trị Đông Bắc Á thế kỷ 21 (Northeast Asia economy and politics in the 21st century)	3	2	1
9	ORI	729	Sự trỗi dậy của Trung Quốc đầu thế kỷ 21 (The rise of China in the beginning of the 21st century)	3	2	1
10	ORI	730	Nhật Bản cận đại (Modern Japan)	3	2	1

11	ORI	731	Chủ nghĩa đa văn hóa và xã hội Hàn Quốc (<i>Korean multiculturalism and society</i>)	3	2	1
12	ORI	732	Những vấn đề lịch sử - chính trị Đông Nam Á (<i>Historical and political issues of Southeast Asia</i>)	3	2	1
13	ORI	733	Lịch sử chủ quyền và lãnh thổ Việt Nam (<i>History of sovereignty and territory of Vietnam</i>)	3	2	1
14	ORI	734	Vị thế Việt Nam trong cục diện mới của khu vực và thế giới (<i>Vietnam's position in the new regional and world situation</i>)	3	2	1
Các học phần thuộc lĩnh vực Kinh tế - Xã hội						
15	ORI	735	Xã hội Đông Á – truyền thống và hiện đại (<i>East Asian society - tradition and modernity</i>)	3	2	1
16	ORI	736	Gia đình và vai trò của phụ nữ trong xã hội phương Đông truyền thống – hiện đại (<i>Family and the role of women in tradition and modernity Oriental society</i>)	3	2	1
17	ORI	737	Nhật Bản hiện đại (<i>Contemporary Japan</i>)	3	2	1
18	ORI	738	Con đường hiện đại hoá của Hàn Quốc (<i>The modernization of South Korea</i>)	3	2	1
19	ORI	739	Con đường hiện đại hoá của Trung Quốc (<i>The modernization of China</i>)	3	2	1
20	ORI	740	Văn hoá - xã hội Trung Quốc trong tương quan so sánh với khu vực (<i>Chinese culture and society in comparison with some other countries in the area</i>)	3	2	1
21	ORI	741	Kinh tế - xã hội các quốc gia Đông Nam Á (<i>Socio-economics of Southeast Asian countries</i>)	3	2	1
PHẦN KIẾN THỨC TỰ TÍCH LŨY				2	1	2
1	SKL	741	Kỹ năng viết, bảo vệ luận văn/đề án và viết bài báo khoa học (<i>Academic skills in thesis/project writing, defense and scientific publications</i>)	2	1	1
PHẦN THỰC TẾ, THỰC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC				11	0	11
1	ORI	761	Thực tập chuyên đề (<i>Internship</i>) ^(*)	2	0	2
2	ORI	762	Thực tập tốt nghiệp (<i>Graduation internship</i>) ^(**)	3	0	3
3	ORI	763	Chuyên đề 1: Tổng quan	3	0	3
4	ORI	764	Chuyên đề 2: Nghiên cứu điều tra xã hội học	3	0	3
PHẦN TỐT NGHIỆP				15	0	15
1	ORI	772	Luận văn tốt nghiệp (<i>Graduation thesis</i>)	15	0	15
Tổng cộng				62		

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức